

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Ninh Bình, ngày 5 tháng 4 năm 2021

Số: 170/NBTPC-TCKT  
V/v: Công bố Báo cáo Thường niên  
năm 2020

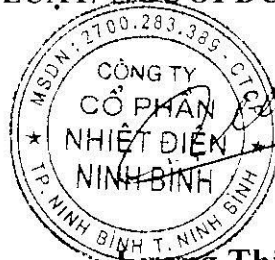
**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty : CTCP Nhiệt điện Ninh Bình
2. Mã chứng khoán : NBP
3. Địa chỉ trụ sở chính : Số 1- Đường Hoàng Diệu – P.Thanh Bình-TPNB
4. Điện thoại : 0229 2210 537 Fax : 0229 3873 762
5. Người thực hiện công bố thông tin : Bà Lương Thị Thúy - Người được UQCBTT.
6. Nội dung của thông tin công bố: Thực hiện theo Thông tư 155/2015/BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán: Công bố báo cáo thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính : <http://www.nbtpc.com.vn>  
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- HĐQT, BTGD;
- Veb NBTPC
- Lưu TCKT.
- Lưu VTCTy

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP  
LUẬT/NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT**



**Lương Thị Thúy**

Số: 169/BC-NBTPC

Ninh Bình, ngày 5 tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình  
Năm báo cáo 2020**

**I) Thông tin chung.**

*1. Thông tin khái quát.*

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (NBTPC).
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0903000161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007. Ngày 25 tháng 10 năm 2011 Công ty thực hiện đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 25/10/2011, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 05/01/2016. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận số: 2700283389.
- Vốn điều lệ: 128.655.00 triệu đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 266 194.53 triệu đồng
- Địa chỉ: 01A - Đường Hoàng Diệu - Thành phố Ninh Bình - Tỉnh Ninh Bình
- Số điện thoại: 0229.2210.537 ; Số fax: 0229.3873.762
- Website: <http://www.nbtpc.com.vn> ; Mã cổ phiếu: NBP

*2. Quá trình hình thành và phát triển*

- Quá trình hình thành và phát triển:

- + Ngày 17/1/1974 Thành lập Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình theo quyết định số 119 ĐT/NCQ/LKL của Bộ Điện và Than (nay là Bộ Công thương). Là đơn vị hạch toán phụ thuộc, thuộc Công ty Điện lực Miền Bắc.
- + Ngày 4/3/1995 Bộ Năng lượng (nay là Bộ Công thương) có quyết định số 113 NL/TCCB-LĐ v/v chuyển Nhà máy nhiệt điện Ninh Bình là đơn vị hạch toán phụ thuộc, thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam).
- + Ngày 30/3/2005 Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) có quyết định số 13/2005/QĐ-BCN chuyển Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình thành Công ty Nhiệt điện Ninh Bình hạch toán độc lập.
- + Ngày 29/12/2006 Bộ Công nghiệp có quyết định số 3945/QĐ-BCN về việc Phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển Công ty Nhiệt điện Ninh Bình thành Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình.
- + Ngày 11/12/2007 Đại hội đồng cổ đông lần đầu Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình.
- + Ngày 01/01/2008 Công ty Nhiệt điện Ninh Bình chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0903000161 do sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Bình cấp ngày 31/12/2007. Đăng ký thay đổi lần đầu ngày 25/10/2011, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 05/01/2016. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2700283389. Tổng công ty phát điện 3 chiếm cổ phần chi phối 54.76%
- + Ngày 22/7/2009 Sở GDCK Hà Nội đã ban hành Quyết định số 422/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận cho CTCP Nhiệt điện Ninh Bình được niêm yết cổ phiếu tại Sở GDCK Hà Nội.
- + Ngày 06/8/2009 Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình được chính thức giao dịch trên Sở GDCK Hà Nội.

*3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

-Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (sửa đổi lần thứ hai ngày 05/01/2016:

1	- Sản xuất điện	Mã ngành
2	- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu: <i>Chi tiết: Sản xuất đất đèn, vật liệu xây dựng, phụ gia xi măng</i>	35101 ( chính)
3	- Sửa chữa thiết bị điện: <i>Chi tiết: Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, nhiệt, cơ, công trình kiến trúc nhà máy điện</i>	3314
4	- Lắp đặt hệ thống điện: <i>Chi tiết: Đường dây và trạm biến áp</i>	4321
5	- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.	4659
6	- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) <i>Chi tiết: Đầu tư tài chính xây dựng các dự án nguồn điện</i>	6499
7	- Dạy nghề: <i>Chi tiết: Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị nhà máy điện</i>	85322
8	- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác <i>Chi tiết: Lập dự án đầu tư, xây dựng, quản lý các dự án xây dựng, tư vấn giám sát thi công lắp đặt công trình</i>	71109

- Địa bàn kinh doanh: Địa bàn hoạt động kinh doanh chính tại Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh bình.

#### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị theo điểm a khoản 1 điều 137 Luật doanh nghiệp 2020. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý: Có 11 đơn vị trực thuộc gồm 05 phòng nghiệp vụ và 6 phân xưởng. Hội đồng quản trị 05 người trong đó 04 người không điều hành trực tiếp. Ban kiểm soát 03 người. Ban điều hành 02 người.

(xem Phụ lục I “Sơ đồ Quản trị và Tổ chức của Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình”).

- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

#### 5. Định hướng phát triển.

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Đảm bảo sản xuất an toàn liên tục và kinh tế, cung cấp điện ổn định cho phát triển kinh tế, xã hội. Sản lượng điện sản xuất hàng năm đạt từ 300 triệu kWh trở lên, doanh thu từ sản xuất điện đạt từ 600 tỷ đồng trở lên; Đảm bảo tỷ lệ trả cổ tức tối thiểu đạt từ 5% trở lên, ổn định và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

- Cùng cố thiết bị để vận hành ổn định, giảm giá thành sản xuất nâng cao năng suất lao động, đảm bảo có lãi.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Giữ vững sản xuất an toàn và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh: Tham gia đầu tư góp vốn xây dựng các nhà máy điện theo định hướng của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Tổng công ty phát điện 3; Tìm các cơ hội đầu tư, nghiên cứu phát triển thêm các ngành nghề kinh doanh trong các lĩnh vực khác.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Giữ vững hoạt động sản xuất điện năng đi đôi với mục tiêu bảo vệ môi trường chung của địa phương.

#### 6. Các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Công ty tiếp tục gặp khó khăn như: giá cả vật tư, nhiên liệu ở mức cao. Thiết bị chính: hiệu suất lò, hiệu suất máy thấp dẫn đến chi phí giá thành cao.

Theo văn bản số 1299/ĐTĐL-TTĐL ngày 25/12/2014 của Cục điều tiết điện lực và văn bản số 370/EVN-TCKT-TTĐ ngày 29/01/2015 của Tập đoàn điện lực Việt Nam, Công ty cổ

phần Nhiệt điện Ninh Bình không tham gia thị trường điện và sản xuất phụ thuộc hoàn toàn vào cơ chế huy động của Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia (A0), năm 2020 tiếp tục thực hiện “Cơ chế dịch vụ phụ trợ”.

Giá nhiên liệu chính (than) giá than trong nước và nhập khẩu luôn tăng ở mức cao làm cho giá thành sản xuất điện năng tăng dẫn đến lợi nhuận bị ảnh hưởng.

## II. Tình hình hoạt động trong năm.

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### - Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

#### KẾT QUẢ CHỦ YẾU TRONG SXKD NĂM 2020

STT	Diễn giải	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	So sánh % (TH/KH)
1	Sản lượng điện phát	Tr.kwh	618.00	553.42	89.55
2	SL điện thương phẩm	Tr.kwh	556.20	501.62	90.19
3	Tổng CP SXKD	Tr. đồng	1,095,961.780	1,003,503.16	91.56
4	Tổng doanh thu SXKD	Tr. đồng	1,120,841.830	1,038,598.87	92.66
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	24,880.050	35,095.71	141.06
6	Thuế TNDN	Tr. đồng	5,226.360	7,098.770	135.83
7	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	19,653.690	27,996.940	142.45
8	Kế hoạch cổ tức 2020 là 10%/ VDL	Tr. đồng	12,865.50		



- **Tình hình thực hiện so với kế hoạch và so với năm trước liền kề:**

TT	DIỄN GIẢI	ĐVT	Thực hiện 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện 2020	So sánh (TH2020/TH2019) %	So sánh (TH/KH) %
1	Sản lượng điện phát	Tr.kwh	645.30	618.00	553.42	85.76	89.55
2	SL điện thương phẩm	Tr.kwh	586.30	556.20	501.62	85.56	90.19
3	Tổng CP SXKD.	Tr. đồng	1,168.975	1,095.962	1,003.503	85.845	91.564
4	Tổng doanh thu SXKD.	Tr. đồng	1.194.470	1.120.842	1.038.599	86.951	92.662
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	25.495	24.880	35.096	137.657	141.060
6	Thuế TNDN	Tr. đồng	5.133	5.226	7.099	138.297	135.826
7	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	20.362	19.654	27.997	137.496	142.451
8	Trình ĐHCĐ TN Năm 2020	Tr. đồng	12.655	19.298			

\* Ghi chú: Cổ tức của năm 2020 dự kiến chi trả 15 % VDL

**2. Phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020**

+ Về tình hình Doanh thu: Tổng doanh thu năm 2020 đạt 1.038.598,86 triệu đồng, giảm 155.871,30 triệu đồng so với năm 2019 chủ yếu do sản lượng điện năm 2020 thấp hơn sản lượng điện năm 2019, giảm 91,88 tr.kwh.

+ Về chi phí: Tổng chi phí năm 2020 là 1.003.503,15 triệu đồng, giảm hơn năm 2019 là 165.472,11 triệu đồng. Chủ yếu là do sản lượng điện năm 2020 phát thấp hơn năm 2019 nên chi phí nhiên liệu giảm hơn.

+ Về lợi nhuận trước thuế: Lợi nhuận trước thuế năm 2020 cao hơn năm 2019 là 9.600,81 triệu đồng chủ yếu là do năm 2020 Công ty tiết kiệm được chi phí sửa chữa và chi phí nhiên liệu.

+ Tình hình phân phối lợi nhuận: Năm 2020, trên báo cáo tài chính của Công ty chưa thực hiện phân phối lợi nhuận. Hiện nay đang chờ thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

+ Tình hình chia cổ tức: Tỷ lệ chia cổ tức năm 2020 sẽ được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 Dự kiến là 15 %.

**3. Tổ chức và nhân sự**

- Danh sách Ban điều hành:

<b>1</b>	<b>Ông Trịnh Văn Đoàn</b>	<b>Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình</b>
	Chức vụ hiện tại	Tổng Giám đốc
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	12/10/1963
❖	Nơi sinh	xã Thiệu giang, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	Phường Thanh Bình - TP.Ninh Bình - Ninh Bình
❖	Điện thoại	0912910047
❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Nhiệt điện
❖	Quá trình công tác:	
	12/1986 - 12/2000	Công nhân vận hành Lò, Phân xưởng Lò, Nhà máy điện Ninh Bình
	01/2001 - 12/2007	Kỹ thuật viên PX Lò, Nhà máy điện Ninh Bình
	01/2008 - 12/2011	Phó quản đốc phân xưởng vận hành Lò- Máy, Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
	1/2012 – 5/2012	Phó quản đốc phụ trách phân xưởng vận hành Lò- Máy, Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
	6/2012-11/2014	Quản đốc phân xưởng vận hành Lò- Máy
	12/2014 – ngày 31/12/2015	Phó Tổng Giám đốc, Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
	01/01/2016 đến nay	Tổng giám đốc ông ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
❖	Số cổ phần cá nhân nắm giữ	2.000 CP
❖	Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước	2.818.176 CP
❖	Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	Không
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
<b>2</b>	<b>Ông Đường Xuân Hồng</b>	<b>Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình</b>
	Chức vụ hiện tại	Phó Tổng Giám đốc
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	11/12/1966
❖	Nơi sinh	Đức Ân – Đức Thọ - Hà Tĩnh
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	Phường Thanh bình - TP.Ninh Bình - Ninh Bình
❖	Điện thoại	0912203693
❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Hệ thống điện
❖	Quá trình công tác:	
	1/1991 - 01/1997	Kỹ thuật viên vận hành điện, NMD Ninh Bình
	02/1997 - 10/2005	Kỹ thuật viên sửa chữa điện, NMD Ninh Bình
	11/2005 - 4/2014	Phó Quản đốc Phân xưởng điện – kiểm nhiệt, Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

	5/2014-9/2014	Phó Quản đốc phụ trách Phân xưởng điện – kiểm nhiệt. Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
	10/2014- 10/2016	Quản đốc Phân xưởng điện – kiểm nhiệt. Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
	11/2016 nay	Phó Tổng Giám đốc. Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
❖	Số cổ phần cá nhân nắm giữ	500 CP
❖	Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước	Không
❖	Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	Không
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
<b>3</b>	<b>Bà Lương Thị Thúy</b>	<b>Kế Toán trưởng - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình</b>
	Chức vụ hiện tại	Kế toán trưởng
❖	Giới tính	Nữ
❖	Ngày tháng năm sinh	13/09/1970
❖	Nơi sinh	Tân Mỹ, Yên Dũng, Bắc Giang
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	Phường Thanh Bình- TP.Ninh Bình - Ninh Bình
❖	Điện thoại	030 2210527
❖	Trình độ văn hoá	12/12
❖	Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
❖	Quá trình công tác:	
	7/1991- 6/1998	Thủ kho phân xưởng gạch xộp Nhà máy điện Ninh Bình
	7/1998 - 8//2011	Chuyên viên phòng Tài chính kế toán Công ty cổ phần nhiệt điện Ninh Bình
	9/2011- 9/2013	Kế toán tổng hợp phòng tài chính kế toán Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
	10/2013 -- 05/2016	Phó phòng Tài chính kế toán. Công ty cổ phần nhiệt điện Ninh Bình
	06/2016 -- 05/2018	Trưởng ban kiểm soát, Công ty cổ phần nhiệt điện Ninh Bình
	06/2018 – nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
❖	Số cổ phần cá nhân nắm giữ	3.200 CP
❖	Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước	Không
❖	Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	Không
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
<b>4</b>		

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách đối với người lao động:  
 Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 là 413 người, trong đó:  
 \* Lao động trực tiếp: 315 người

+ Lao động gián tiếp + phục vụ: 98 người  
\* phân theo trình độ: Trên Đại học: 03 người, Đại học 146 người, Cao đẳng 38 người, trung cấp 36 người, công nhân kỹ thuật 178 người, lao động khác 12 người

**Tóm tắt chính sách đối với người lao động:**

+ Chính sách đào tạo.

Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao tay nghề cho công nhân kỹ thuật để bổ sung vào các vị trí công việc của những lao động đến tuổi nghỉ chế độ. Tổ chức các khoá đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn tại Công ty và cử cán bộ, công nhân kỹ thuật tham dự các khoá đào tạo chuyên đề nhằm nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và nắm bắt những tiến bộ về công nghệ để áp dụng vào sản xuất tại Công ty.

+ Chính sách tiền lương.

Công ty áp dụng quy chế trả lương, thưởng cho người lao động, đảm bảo dân chủ, công bằng. Công ty thực hiện việc trả lương cho người lao động theo hai hình thức:

- Lương thời gian áp dụng cho người lao động khối nghiệp vụ và lao động thuộc dây chuyền sản xuất khép kín, trên cơ sở chức danh nghề nghiệp đảm nhận;

- Lương khoán áp dụng cho người lao động thực hiện các khối lượng công việc trong sửa chữa, đại tu, gia công cơ khí ...

+ Các chính sách khác:

- Duy trì và thực hiện đầy đủ chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp thất nghiệp cho người lao động theo Luật bảo hiểm xã hội, 100% lao động được tham gia đóng bảo hiểm xã hội.

- Các quỹ khen thưởng và phúc lợi thực hiện theo quy chế quản lý tài chính của Công ty (được báo cáo hàng năm trước Đại hội cổ đông của Công ty).

- Công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/tuần, duy trì chế độ chăm sóc sức khoẻ ban đầu, tổ chức khám sức khỏe định kỳ: khám, phát hiện, điều trị bệnh nghề nghiệp, tổ chức các đợt điều dưỡng và tham quan du lịch. Người lao động được nghỉ phép theo tiêu chuẩn và quy định của Bộ luật Lao động ...

**4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

- a) Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án: Không
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

**5. Tình hình tài chính**

- a) Tình hình tài chính.

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	So sánh %
Tổng giá trị tài sản	367.210	339.149	92.36
Doanh thu thuần	1.191.718	1.038.089	87.10
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	24.967	35.012	140.23
Lợi nhuận khác	527.93	83.68	15.85
Lợi nhuận trước thuế	25.494	35.096	137.66
Lợi nhuận sau thuế	20.362	27.997	137.50
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	Dự kiến 15%	

*b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/nợ NH)	2,32	3,36	
- Hệ số thanh toán nhanh (TS ngắn hạn – hàng tồn kho)/ nợ ngắn hạn	1,71	2,42	
Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn (lần)			
- Hệ số nợ phải trả / tổng tài sản	0,30	0,21	
- Hệ số nợ phải trả / vốn CSH	0,43	0,27	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)			
- Vòng quay hàng tồn kho	164	152	
* Giá vốn bán hàng / hàng tồn kho bình quân	16,76	14,22	
- Doanh thu thuần / tổng TS	3,24	3,06	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (lần)			
- Hệ số LNST / Doanh thu thuần	0,02	0,03	
- Hệ số LNST / vốn CSH	0,08	0,10	
- Hệ số LNST / tổng TS	0,06	0,08	

*6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu*

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 12.865.500 cổ phần.
- Cổ phần đang lưu hành: 12.865.500 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Vốn điều lệ và tỷ lệ cổ phần của các cổ đông (đến 31/12/2020)
- Vốn điều lệ của Công ty: 128.655,0 triệu đồng = 12.865.500CP

Tên cổ đông	Cơ cấu vốn điều lệ(Tr.đ)	Số vốn đã góp đến cuối kỳ báo cáo(Tr.đ)	Tỷ lệ cam kết góp vốn
1. Tổng công ty phát điện 3.	70.454,40	70.454,40	54,76%
2. Công ty TNHH năng lượng REE	37.894,00	37.894,00	29,46%
3 America LLC	8.491,00	8.491,00	6,60%
4. Các thể nhân khác	11.816,00	11.816,00	9,18 %
<b>Tổng Cộng:</b>	<b>128.655,00</b>	<b>128.655,00</b>	<b>100,00%</b>

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.
- e) Các chứng khoán khác: Không có.

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

#### 1. *Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*

Năm 2020, mặc dù Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn nhưng dưới sự chỉ đạo linh hoạt của HĐQT, ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã khắc phục khó khăn, bám sát mục tiêu điều chỉnh kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh hoàn thành kế hoạch các chỉ tiêu theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đề ra: Duy trì và giữ ổn định sản xuất đi đôi với mục tiêu bảo vệ môi trường, hoàn thiện các Quy chế. Quy định để nâng cao hiệu quả sản xuất, bảo toàn vốn, đảm bảo có lợi nhuận dự kiến cao hơn so với Đại hội cổ đông đã biểu quyết.

#### 2. *Tình hình tài chính.*

##### a) Tình hình tài sản.

Trong năm 2020, Công ty luôn theo dõi vốn và tài sản hiện có, không có nợ phải thu xấu và tài sản xấu làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh.

##### b) Tình hình nợ phải trả.

Công ty luôn đảm bảo thanh toán các khoản nợ phải trả đúng hạn, không có khoản trả nợ nào quá hạn.

#### 3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*

Công ty tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định quản lý của mô hình công ty cổ phần, đặc biệt tập trung vào các quy chế mang lại lợi ích lớn cho người lao động. Tích cực phát động thi đua với các phong trào thi đua ca, kịp vận hành kinh tế, thi đua sửa chữa, thi đua tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu... Các quy chế này đã giúp người lao động thêm yên tâm tư tưởng và gắn bó với Công ty.



Rà soát, lập lại định biên của các đơn vị trong Công ty, tổ chức và sắp xếp hợp lý lao động trong từng bộ phận đã tạo điều kiện cho công tác SXKD của công ty đạt hiệu quả hơn.

*Kế hoạch phát triển trong tương lai*

- Chuẩn bị thiết bị sẵn sàng đáp ứng phương thức khi Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia (A0) huy động, đáp ứng hệ số khả dụng của các thiết bị. Sửa chữa thiết bị phù hợp theo từng thời kỳ, chủ động khắc phục các khiếm khuyết của thiết bị, không để xảy ra sự cố chủ quan, mất an toàn.

- Công tác tổ chức: Từ tình hình thực tế về nhân lực và những đòi hỏi trong thời gian tới, tiếp tục rà soát sắp xếp nhân lực, bố trí lao động phù hợp, dồn ghép các chức danh, định biên lại nhân lực trên tinh thần giảm dần về số lượng biên chế, tăng cường công tác đào tạo nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả lao động của cán bộ, chuyên viên và người lao động trong công ty.

- Tiếp tục tập trung thực hiện các biện pháp để tăng cường, nâng cao công tác. Quản lý kỹ thuật, Quản lý tài chính, Quản lý vật tư và Quản lý lao động nhằm đảm bảo ổn định và nâng cao hiệu quả SXKD. Thực hiện sửa đổi quy chế trả lương, thưởng theo hướng phù hợp với trình độ, năng lực thực tế, tính chất của công việc và sự đóng góp của các cá nhân. Thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ.

- Thi đua lao động sản xuất gắn liền với công tác bảo vệ môi trường, bảo đảm phát triển sản xuất bền vững.

4. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:* Không có.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty.**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty**

Năm 2020, Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình tiếp tục thực hiện “Cơ chế dịch vụ phụ trợ”, sản xuất phụ thuộc vào cơ chế huy động của Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia (A0). Dứng trước tình hình đó, ngay từ đầu năm Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành tập trung đề ra những biện pháp và những giải pháp kịp thời, tranh thủ những thời cơ thuận lợi để tập trung cho sản xuất. Nhằm đảm bảo sản xuất an toàn, lâu dài, hiệu quả. Ban TGD đã tích cực làm việc, đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền để sản xuất với sản lượng cao nhất, hiệu quả nhất. Tập trung lãnh đạo và nâng cao công tác quản lý, chỉ đạo sát sao tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông và các nghị quyết của HĐQT. Đề ra chủ trương chiến lược về đầu tư thiết bị, áp dụng công nghệ mới, nâng cấp, củng cố, nâng cao hiệu suất hệ thống lọc bụi tĩnh điện. Với mục tiêu phân đầu hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra, đảm bảo sản xuất ổn định, an toàn, có hiệu quả, phấn đấu tăng doanh thu, thực hành tiết kiệm, giảm chi phí để tăng lợi nhuận. HĐQT công ty đã tập trung lãnh đạo và nâng cao công tác quản lý, chỉ đạo sát sao Ban điều hành Công ty trong việc tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông và các nghị quyết của HĐQT.

Kết thúc năm 2020, Công ty đã hoàn thành một số mục tiêu mà Đại hội cổ đông đề ra như: Sản lượng điện thương phẩm 501.84 triệu kWh, đạt 90,19%, thấp hơn năm 2019 là 84,68 triệu kWh; doanh thu đạt 1.038.598 triệu đồng đạt 92,66% so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 35.095.71 triệu đồng đạt 142,45 % so với kế hoạch.

##### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của HĐQT đề ra một cách nghiêm túc, thực hiện những biện pháp và những

giải pháp kịp thời, tranh thủ những thời cơ thuận lợi để tập trung cho sản xuất nhằm đảm bảo sản xuất an toàn, lâu dài, hiệu quả. Ban Tổng Giám Đốc cùng với tập thể người lao động đã nỗ lực phấn đấu, thi đua lao động sản xuất, kinh doanh, đảm bảo sản xuất an toàn, hiệu quả, phấn đấu tăng doanh thu, giảm chi phí để tăng lợi nhuận. Đảm bảo quyền lợi, lợi ích hài hòa cho tập thể người lao động và các cổ đông.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Năm 2021, Công ty tiếp tục thực hiện theo cơ chế sản xuất Dịch vụ phụ trợ (như 2020), tuy nhiên sản lượng thấp hơn vì yêu cầu của Hệ thống điện quốc gia. Về thiết bị vẫn tiềm ẩn những phát sinh dễ xảy ra sự cố. Giá cả vật tư, nguyên liệu vẫn cao làm tăng chi phí đầu vào. Năng lực cạnh tranh tại thị trường điện của công ty thấp do công nghệ thiết bị cũ, suất hao nhiệt cho 1 kWh điện cao hơn so với các nhà máy khác v.v... việc tính toán suất tiêu hao than tính theo tiêu hao nhiệt (kcal/kwh) bắt buộc Hội đồng quản trị/ban điều hành phải có những giải pháp để thực hiện tốt công tác quản trị, đặc biệt là quản trị nguồn nguyên liệu đầu vào (than), phải có chiến lược, lựa chọn đối tác, đàm phán, thực hiện nhập than với nhiệt trị phù hợp và tính toán cụ thể mức tiêu hao nhiệt cho từng loại than ... những vấn đề này ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch doanh thu và kế hoạch lợi nhuận. Công ty tập trung vào các nội dung sau :

- Chuẩn bị thiết bị sẵn sàng, dự trữ nhiên liệu than phù hợp đáp ứng phương thức khi A0 huy động, đáp ứng hệ số khả dụng của các thiết bị. Sửa chữa thiết bị phù hợp theo từng thời kỳ, chủ động khắc phục các khiếm khuyết của thiết bị, không để xảy ra sự cố chủ quan, mất an toàn.

- Tiếp tục báo cáo các cấp có thẩm quyền triển khai đề án cải tạo thiết bị, phục hồi nhà máy theo đề án đã được GENCO 3 phê duyệt (thay thế bản thể turbine số 4)

- Công tác tổ chức: Từ tình hình thực tế về nhân lực và những đòi hỏi trong thời gian tới, tiếp tục rà soát sắp xếp nhân lực, bố trí lao động phù hợp, tăng cường công tác đào tạo nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả lao động của cán bộ, chuyên viên và người lao động trong công ty.

- Tiếp tục tập trung thực hiện các biện pháp để tăng cường, nâng cao công tác Quản lý kỹ thuật, quản lý tài chính, quản lý vật tư và quản lý lao động, tối ưu hóa chi phí, nhằm đảm bảo ổn định và nâng cao hiệu quả SXKD. Xây dựng sửa đổi quy chế trả lương, thưởng theo hướng phù hợp với trình độ, năng lực thực tế, tính chất của công việc và sự đóng góp của các cá nhân. Thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ, kế hoạch thực hiện Văn hóa doanh nghiệp, quan hệ cộng đồng.

- Thi đua lao động sản xuất gắn liền với công tác bảo vệ môi trường, thực hiện tốt quy định theo tiêu chuẩn môi trường, bảo đảm phát triển sản xuất bền vững.

## **V. Quản trị công ty.**

### **1. Hội đồng quản trị.**

**a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị.** Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 người (01 chủ tịch và 04 thành viên).

- |                       |                                |
|-----------------------|--------------------------------|
| 1. Ông Tổng Đức Chính | - Chủ tịch chuyên trách        |
| 2. Ông Trịnh Văn Đoàn | - Thành viên; Tổng giám đốc    |
| 3. Ông Lê Đức Chấn    | - Thành viên : Không điều hành |

4. Ông Quách Vĩnh Bình - Thành viên : Không điều hành  
 5. Ông Lê Văn Diễn - Thành viên : Không điều hành

Tỷ lệ sở hữu các chứng khoán khác do công ty phát hành: Không có.

**b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Không thành lập

**c) Hoạt động của Hội đồng quản trị.** Trong năm 2020, Hội đồng quản trị công ty đã họp 04 kỳ chính thức để thống nhất chuẩn bị các nội dung trình đại hội đồng cổ năm 2020 giải quyết những nội dung công việc liên quan đến nhiệm vụ SXKD và công tác quản lý chung của Công ty với số lượng và các thành phần tham gia cụ thể như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự năm 2020	Tỷ lệ %/ năm	Lý do không tham dự
1	Ông Tống Đức Chính	CTHĐQT	4	100%	
2	Ông Trịnh Văn Đoàn	TV	4	100%	
3	Ông Lê Đức Chân	TV	4	100%	
4	Ông Quách Vĩnh Bình	TV	4	100%	
5	Ông Lê Văn Diễn	TV	4	100%	

\* Để chỉ đạo và điều hành SXKD của Công ty được liên tục hiệu quả, ngoài 04 phiên họp chính thức trong năm 2020 Hội đồng quản trị đã thực hiện 29 lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản và ra các quyết định các vấn đề triển khai kế hoạch năm 2020. Tất cả các Quyết định này đều đã bám sát và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, do đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành triển khai các công việc có liên quan.

**d) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** Tuy Công ty không thành lập các tiểu ban của HĐQT nhưng định kỳ, thường xuyên nghe báo cáo từ các phòng nghiệp vụ của Ban điều hành về những vấn đề cần thiết của cơ chế quản lý để tìm cách giải quyết kịp thời các vấn đề nảy sinh trong chỉ đạo sản xuất kinh doanh

**d) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty trong năm:** không.

## 2. Ban Kiểm soát:

**a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:** gồm 3 người (01 trưởng ban và 02 thành viên).

- Bà Phạm Thị Thanh Bình - Trưởng ban KS chuyên trách
- Bà Vũ Thị Thanh Hải - Thành viên
- Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt - Thành viên

**b) Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, BKS thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ của Ban.



Trong năm 2020, BKS công ty thường xuyên giám sát các hoạt động của HĐQT và Ban điều hành thông qua việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT. Trưởng ban kiểm soát thường xuyên trao đổi, làm việc với Chủ tịch HĐQT, ban TGD. Trong năm 2020, BKS đã tiến hành 03 cuộc họp để kiểm soát việc chấp hành pháp luật, điều lệ công ty và các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của HĐQT.

Trưởng ban kiểm soát với trách nhiệm của người làm việc chuyên trách Trưởng ban luôn đi sát, theo dõi các hoạt động diễn ra hàng ngày thông qua việc trao đổi trực tiếp các tài liệu các báo cáo của HĐQT, của Ban Tổng giám đốc Công ty gửi đến Ban kiểm soát; tham dự các buổi họp của HĐQT của Công ty để nắm bắt các hoạt động đang diễn ra tại Công ty.

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát luôn tuân thủ pháp luật, đảm bảo tính chính xác, khách quan, công khai, dân chủ và kịp thời.

### **3) Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát**

a) **Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:** Năm 2020, công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 giao trên các mặt: Sản lượng điện sản xuất, doanh thu, lợi nhuận, năng suất lao động. Số tiền quyết toán quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, ban TGD, BKS cho các thành viên theo các mức như sau:

+ Lương, thưởng của chủ tịch HĐQT	517,056 triệu đồng/người/năm
+ Lương, thưởng của Tổng Giám đốc	497,102 triệu đồng/người/năm
+ Lương thưởng của Phó Tổng giám đốc	440,395 triệu đồng/người/năm
+ Lương, thưởng của Kế toán trưởng	403,644 triệu đồng/người/năm
+ Thù lao của 3 thành viên HĐQT	231,804 triệu đồng/năm
+ Thù lao của 02 thành viên BKS :	154,536 triệu đồng/ năm
+ Lương, thưởng T.Ban KS chuyên trách	454,992 triệu đồng/người/năm

b) **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không có.

c) **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có.

d) **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

HĐQT đã nêu cao vai trò trách nhiệm của mình trước tập thể người lao động và các cổ đông, đã trực tiếp lãnh đạo Công ty hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông năm 2019 đề ra: Sản xuất ổn định an toàn hiệu quả, đời sống người lao động được ổn định, quyền lợi của các cổ đông được đảm bảo.

e) **Báo cáo tài chính.**

#### *1. Ý kiến kiểm toán*

“Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình tại ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

#### *2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.*

Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020 được lập vào ngày 23 tháng 3 năm 2021 theo các quy định hiện hành, bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Các chỉ tiêu tài chính cơ bản. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật.

Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình do Công ty TNHH PWC Việt Nam thực hiện kiểm toán.

**Phần II : Báo cáo tài chính**

**A : BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính : Triệu đồng

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>245.052,69</b>	<b>261.102,72</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>26.709,68</b>	<b>10.976,75</b>
1. Tiền	111		26.709,68	10.976,75
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>149.644,29</b>	<b>175.393,80</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		149.271,38	165.592,22
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		57,25	65,44
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		315,67	9.736,13
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>68.188,78</b>	<b>72.255,73</b>
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>509,94</b>	<b>2.476,44</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		509,94	2.476,44
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>94.096,98</b>	<b>106.107,77</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>89.886,22</b>	<b>101.89,71</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.156,91</b>	<b>1.704,97</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.156,91	1.704,97
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.500,00</b>	<b>2.500,00</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.500,00	2.500,00
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>553,85</b>	<b>513,08</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		553,85	513,08
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>339.149,67</b>	<b>367.210,48</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>72.955,14</b>	<b>110.437,92</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>72.955,14</b>	<b>110.437,92</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		20.076,87	48.729,44
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		10.617,51	11.093,65
4. Phải trả người lao động	314		36.247,66	18.739,33
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		324,70	212,52
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		2.016,55	2.129,09
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			25.030,32
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.671,83	4.503,56
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>266.194,53</b>	<b>256.772,57</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>266.194,53</b>	<b>256.772,57</b>
<b>1. Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>411</b>		<b>128.655,00</b>	<b>128.655,00</b>
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		128.655,00	128.655,00





4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		84.905,75	82.979,19
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		21.077,74	23.004,33
<b>11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>421</b>		<b>31.556,04</b>	<b>22.134,07</b>
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.559,09	1.771,84
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27.996,94	20.362,24
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>339.149,67</b>	<b>367.210,48</b>

## B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị tính : triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.191.718,83	1.038.089,45	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	0	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.191.718,83	1.038.089,45	
4	Giá vốn bán hàng	1.136.298,80	970.150,68	
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	55.420,03	67.938,77	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1.736,79	373,04	
7	Chi phí tài chính	645,54	2.574,59	
8	Chi phí bán hàng	115,41	195,66	
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	31.428,91	30.529,53	
10	LN thuần từ hoạt động kinh doanh	24.966,97	35.012,03	
11	Thu nhập khác	1.000,96	136,38	
12	Chi phí khác	473,03	52,70	
13	Lợi nhuận khác	527,93	83,68	
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.494,90	35.095,71	
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.132,66	7.098,77	
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	20.362,24	27.996,94	
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.583	2.176	

1.2700.2  
CỘNG  
HỘI  
NHẬT  
NINH  
HƯNG BÌNH

## C. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ 2020.

Đơn vị tính: Triệu đồng



STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2019	Năm 2020
I	Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh			
1	Lợi nhuận thuần trước thuế	01	25.494,90	35.095,71
2	Điều chỉnh cho các khoản			
	- Khấu hao TSCĐ	02	11.857,77	13.430,09
	- Các khoản dự phòng	03	(280,54)	-
	- Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư, hoạt động khác	05	(1.950,88)	(478,89)
	- Chi phí lãi vay	06	645,54	2.574,59
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động	08	36.047,03	50.621,50
	- (Tăng) / giảm các khoản phải thu	09	(290,87)	25.749,50
	- (Tăng) / giảm hàng tồn kho	10	(33.575,23)	4.066,95
	- (Tăng) / giảm các khoản phải trả	11	((33.219,11))	((10.080,20))
	- Tăng) / Giảm chi phí trả trước	12	3.526,11	1.935,73
	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
	- Lãi vay đã trả	14	(637,31)	(2.582,82)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.562,68)	(8.693,99)
	- Tiền thu khác từ hoạt động SXKD	16	36,78	84,05
	- Tiền chi khác từ hoạt động SXKD	17	(6.026,26)	(6.625,25)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>(38.701,53)</i>	<i>54.465,47</i>
II	Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(62.382,17)	(1.378,54)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	214,09	105,85
3	Tiền chi cho vay, mua các công nợ của đơn vị khác	23	(7.000,00)	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công nợ của đơn vị khác	24	12.500,00	-
5	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia.	27	2.012,92	373,04
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(54.655,16)</i>	<i>(899,64)</i>

83.380  
 STY  
 HÂN  
 ĐIỆN  
 BÌNH  
 T. NINH

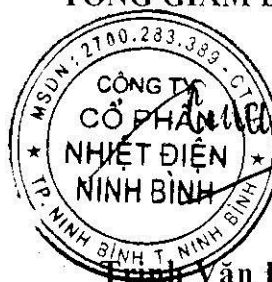
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		-	-
1	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được.	33	213.643,26	197.690,98
2	Tiền chi trả nợ gốc vay.	34	(188.612,94)	(222.721,31)
3	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.491,04)	(12.802,57)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	9.539,29	(37.832,90)
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(83.817,41)	15.732,93
V	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	94.794,16	10.976,75
	ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
VI	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	10.976,75	26.709,68

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần nhiệt điện Ninh Bình thực hiện theo quy định của pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC

*Nơi nhận:*

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT HN;
- HĐQT CTy;
- Lưu VT, TK.



**Trần Văn Đoàn**



**PHỤ LỤC I**  
**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH**

